

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT



Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp vật tư phân điện, C&I phục vụ sửa chữa máy biến áp, hệ thống môi trường và thiết bị phụ năm 2026.

- Tên dự án là: Sản xuất kinh doanh điện năm 2026 của Công ty Nhiệt điện Mông Dương.

- Địa điểm thực hiện: Khu 8, phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh

- Thời gian thực hiện gói thầu: 240 ngày.

- Giá gói thầu (giá trị dự toán được phê duyệt): 26.876.686.900 đồng (bao gồm 10% VAT). Trong E-HSDT, Nhà thầu phải chào thuế GTGT là 10% đối với phần hàng hóa, 8% đối với phần dịch vụ. Thuế GTGT sẽ được điều chỉnh tại thời điểm xuất hóa đơn theo chính sách hiện hành (nếu có).

- Phạm vi cung cấp hàng hóa: Cung cấp vật tư phân điện, C&I phục vụ sửa chữa máy biến áp, hệ thống môi trường và thiết bị phụ cho Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 theo Phạm vi cung cấp chi tiết quy định tại Bảng 1- Mục 1.2.1- Chương V.

- Địa điểm bàn giao hàng hóa/ thực hiện dịch vụ: Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Khu 8, P. Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Phạm vi cung cấp

Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp các hàng hóa như theo danh mục tại bảng sau:

Bảng 1: Phạm vi cung cấp hàng hóa

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
A	Hàng hóa			
I	Đại tu			
1	Bộ điều khiển PLC	Bộ điều khiển PLC Controllogix 1756-L83E; Hãng sản xuất: Rockwell hoặc tương đương	Bộ	2
2	Bộ làm mát	Model: BOACS803MCD144I Thông số kỹ thuật: Coil PED data: PED Cat 3.3 Max DN: 100mm. Fluid group: 2 Electrical data Nominal: 400V. (3 phases) F: 50HZ. Connection: DIP55 Nominal rated Power each motor: 1,8kW Nominal current/ each motor: 3,9A; Hãng sản xuất: ALFA (LUVE) hoặc tương đương	cái	5



STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
3	Cảm biến đo độ rung	Cảm biến đo độ rung Mã hiệu: 111-902-000-011-A1-B6-C040-D2-E10000-F2-G9800-H10; Hãng sản xuất: Meggitt hoặc tương đương	Cái	1
4	Cảm biến đo độ rung	Cảm biến đo độ rung Mã hiệu: 111-912-000-011-A1-B1-E500-F0-G0-H05; Hãng sản xuất: Meggitt hoặc tương đương	Cái	2
5	Cảm biến đo độ rung	Cảm biến đo độ rung Mã hiệu: 111-912-000-011-A1-B1-E500-F0-G0-H10; Hãng sản xuất: Meggitt hoặc tương đương	Cái	1
6	Card độ rung	Card độ rung IOC4T, sử dụng cho hệ thống độ rung VM600; Hãng sản xuất: Meggitt hoặc tương đương	Cái	1
7	Card độ rung	Card độ rung MPC4, sử dụng cho hệ thống độ rung VM600; Hãng sản xuất: Meggitt hoặc tương đương	Cái	1
8	Bộ chuyển đổi nguồn	Bộ chuyển đổi nguồn RPS6U, sử dụng cho hệ thống độ rung VM600; Hãng sản xuất: Meggitt hoặc tương đương	Cái	2
II	SCTX			
9	Bộ điều khiển van điện	Auma AMV-AC2-24A2 Firmware 13242564; Hãng sản xuất: Auma hoặc tương đương	Bộ	1
10	Bộ điều khiển van điện	Auma AMV-AC2-24A2 Firmware 13488245; Hãng sản xuất: Auma hoặc tương đương	Bộ	1
11	Bo mạch CPU	Kí hiệu: Z043.584/01 sử dụng cho bộ điều khiển Auma AC01.2; Hãng sản xuất: Auma hoặc tương đương	Cái	2
12	Bo mạch rơ le	Kí hiệu: Z043.590/05 sử dụng cho bộ điều khiển Auma AC01.2; Hãng sản xuất: Auma hoặc tương đương	Cái	28
13	Bo mạch giao tiếp	Kí hiệu: Z043.606/01 sử dụng cho bộ điều khiển Auma AC01.2; Hãng sản xuất: Auma hoặc tương đương	Cái	3
14	Bo mạch màn hình	Kí hiệu: Z137.709/01 sử dụng cho bộ điều khiển Auma AC01.2; Hãng sản xuất: Auma hoặc tương đương	Cái	1
15	Bo mạch nguồn	Kí hiệu: Z126.860/08 sử dụng cho bộ điều khiển Auma AC01.2 Hãng sản xuất: Auma hoặc tương đương	Cái	1



STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
16	Bộ đầu nối van Auma	Wall bracket (WH) Bộ Wall bracket phù hợp với bộ điều khiển AC01.2 Cáp điều khiển 10m; cáp nguồn 10m; Hãng sản xuất: Auma hoặc tương đương	Bộ	6
17	Bộ truyền động điều khiển van điện (không bao gồm van)	Bộ truyền động bao gồm khối điều khiển (không bao gồm van) AMV1125SAAC Điện áp: 400V/3ph/50Hz Tín hiệu điều khiển: 24VDC Độ kín: IP68 Đệm làm kín: Bao gồm Ứng dụng: Đóng/Mở Khớp kết nối: A bao gồm các đầu nối và phụ kiện Hãng sản xuất: Auma hoặc tương đương	Bộ	1
18	Bộ truyền động điều khiển van điện (không bao gồm van)	Bộ truyền động bao gồm khối điều khiển (không bao gồm van) AMV2112SQAC Điện áp: 400V/3ph/50Hz Tín hiệu điều khiển: 24VDC Độ kín: IP68 Đệm làm kín: Bao gồm Ứng dụng: Đóng/Mở Khớp kết nối: Un Hãng sản xuất: Auma hoặc tương đương	Bộ	1
19	Thiết bị gia nhiệt	Gas sample probe heater Model: SAHT-GSP-H-220; Hãng sản xuất: Seah High-tech hoặc tương đương	Cái	1
20	Lọc giấy bộ làm mát	Kí hiệu: 8329599; Hãng sản xuất: ABB hoặc tương đương	Hộp	1
21	Bộ lọc gốm	SAHT-GSP-A-B; Hãng sản xuất: Seah High-tech hoặc tương đương	Cái	8
22	Phin lọc axit	Kí hiệu: 8018013; Hãng sản xuất: ABB hoặc tương đương	Cái	8
23	Bộ lọc axit	Bộ lọc axit PN: 23045-5; mã bộ lọc: 8018419. Gồm các nút kết nối; Hãng sản xuất: ABB hoặc tương đương	Bộ	2
24	Dây bơm	Flexible tube set for SR25.2; 90P1007 & 90P1050; Hãng sản xuất: M&C hoặc tương đương	Cái	8



STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
25	Bơm xả động	Model: SCC-F; Hãng sản xuất: ABB hoặc tương đương	Cái	1
26	Bộ làm mát	Model: SCC-C; Hãng sản xuất: ABB hoặc tương đương	Cái	2
27	Cảm biến nhiệt độ	Phù hợp với bộ làm mát SCC-C; Hãng sản xuất: ABB hoặc tương đương	Cái	1
28	Gia nhiệt CEMS	Gas sample probe heater NOx CONVERTER Part number SAHT-NC-220; Hãng sản xuất: Seah High-tech hoặc tương đương	Cái	1
29	Cảm biến đo PH	Model ELPH hoặc tương đương	Cái	1
30	Transmitter đo clo	Product no: A-25.441.100.0 Analyzer AMI Codes-II AC; Hãng sản xuất: Swan hoặc tương đương	Bộ	1
31	Thiết bị đo Clo dư	A-87.531.100; Hãng sản xuất: Swan hoặc tương đương	Cái	1
32	Thiết bị đo Clo dư	A-87.932.020; Hãng sản xuất: Swan hoặc tương đương	Cái	1
33	Transmitter đo PH	Product no: A-21.221.050 Monitor AMI pH Redox M-Flow AC; Hãng sản xuất: Swan hoặc tương đương	Bộ	1
34	Cảm biến nhiệt độ	Kí hiệu: A-87.030.200; gồm dây kết nối tín hiệu từ cảm biến tới bộ hiển thị loại PT1000; Hãng sản xuất: Swan hoặc tương đương	Cái	1
35	Cảm biến PH	Kí hiệu: A-87.120.200; gồm dây kết nối tín hiệu từ cảm biến tới bộ hiển thị; Hãng sản xuất: Swan hoặc tương đương	Cái	2
36	Transmitter nhiệt độ	Ordercode: RIA45-A1B1; Hãng sản xuất: Endress + Hauser hoặc tương đương	Cái	1
37	Bo mạch đầu vào tương tự	AI-16A, phù hợp với Dataloger KTE-1400D; Hãng sản xuất: TechKorea hoặc tương đương	Cái	2
38	Cảm biến đo PH	Model: APS521.P2.K2.A.10-M5; Hãng sản xuất: ABB hoặc tương đương	Cái	1
39	Cảm biến đo Hcl	Model: TB4 + Flow cell; Hãng sản xuất: ABB hoặc tương đương	Cái	2
40	Bộ vật tư tiêu hao sửa chữa máy đo Silica	Kí hiệu: AW601155; Hãng sản xuất: ABB hoặc tương đương	Cái	3



STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
41	Phin Lọc	Microporous disc sử dụng cho máy đo Hydrazine Navigator 500; Hãng sản xuất: ABB hoặc tương đương	Cái	2
42	Thiết bị chia mẫu Hydrazine	Reagent dosing for Navigator 500; Hãng sản xuất: ABB hoặc tương đương	Cái	1
43	Gel phản ứng	PN: 7830061; Hãng sản xuất: ABB hoặc tương đương	Cái	2
44	Thiết bị thu thập, lưu trữ dữ liệu Dataloger	Dataloger Dlogger 22; Hãng sản xuất: Deahan hoặc tương đương	Cái	1
45	Modul đầu vào tương tự	Kí hiệu: 1756-IF16; Hãng sản xuất: Rockwell hoặc tương đương	Cái	5
46	Modul đầu vào tương tự	Kí hiệu: 1794-IR8; Hãng sản xuất: Rockwell hoặc tương đương	Cái	2
47	Màn hình điều khiển tủ PLC	Model: 711P-T10C22D9P, kèm khung sắt và Dịch vụ kỹ thuật cấu hình, cài đặt chương trình màn hình, giao diện điều khiển; Hãng sản xuất: Rockwell hoặc tương đương	Cái	2
48	Đèn led bấp ngô	Đèn led bấp ngô đuôi E39 - 120W	Cái	100
49	Đèn led	PT-RLB-50 hoặc tương đương	Cái	600
50	Chuyển đổi đuôi	Chuyển đổi đuôi đèn từ E39 sang E27	Cái	50
51	Đèn led tuýp	T8, 1.2m, 18W	Cái	1500
52	Bóng đèn	High bay 200W, công suất 200W, điện áp 230V AC, màu ánh sáng 6500k, quang thông 20.000lm, loại có chao	cái	60
53	Card độ rung	Model: MIL 8800; Hãng sản xuất: IRD Mechanalysis hoặc tương đương	Cái	1
54	Động cơ búa gỗ cục dưng, cục âm	Type: Y2-71M2-4. Công suất: 0.37kW, điện áp 400VAC, Dòng định mức 1.07A. 1330 v/ph, IP55, cos 0.75; Hãng sản xuất: Dasu hoặc tương đương	cái	10
55	Vòng hãm	Phù hợp với máy cắt hãng LS Type: VH-12H50B13; Hãng sản xuất: LS hoặc tương đương	Cái	10
56	Vòng hãm	Phù hợp với máy cắt hãng LS, Type: VH-12H50D32; Hãng sản xuất: LS hoặc tương đương	Cái	4
57	Đế máy cắt	Phù hợp với máy cắt hãng LS, Type: VH-12H50D32; Hãng sản xuất: LS hoặc tương đương	Cái	1



STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
58	Đế máy cắt	Phù hợp với máy cắt hãng LS, Type: VH-12H50B13; Hãng sản xuất: LS hoặc tương đương	Cái	15
59	Role IMP	IMP-C-A420, Dải 0-10A; Hãng sản xuất: LS hoặc tương đương	cái	5
60	Role IMP	IMP-C-A420, Dải 10-100A; Hãng sản xuất: LS hoặc tương đương	cái	40
61	Máy cắt 0,4kV	AH-06D3-00A; Hãng sản xuất: LS hoặc tương đương	cái	5
62	Đồng hồ hiển thị tốc độ Tuabine	SIX-504; Hãng sản xuất: Samin hoặc tương đương	cái	2
63	Gia nhiệt tủ DCL	Model EH50; 50W, . 110-240VAC; Hãng sản xuất: Torresan hoặc tương đương	cái	10
64	Ắc quy	Type: KPL300; Hãng sản xuất: ChangHong hoặc tương đương	Cái	30
65	Ắc quy	Type: 12V30F hoặc tương đương; 12V; 31Ah; KT 280x97x159mm	Cái	6
66	Động cơ quạt sục phễu tro lọc bụi	Type RYJ132S-4 hoặc tương đương. Điện áp 400vac, dòng điện: 10.9A. Công suất 5.5kW. Tần số 50Hz, tốc độ: 1450v/ph.	cái	1
67	Điện cực ăn mòn bơm tuần hoàn	Type ZnF-A. Kích thước phi 30xL30mm	bộ	6
68	Switch báo mức	Magnetic Float Switch FLS-PA Type: ABFPP4"/150/FF-PPUUUU-L1.400/16-PP55A L1:200 L2: 400 L3: 1000 L4: 1200; Hãng sản xuất: KSR KUEBLER hoặc tương đương	Cái	1
69	Switch áp lực	Model: DG62R Kết nối: 1/4 (BSPP) Pmax = 400 bar; Hãng sản xuất: Hawe hoặc tương đương	Cái	2
70	Bộ chia khí	Model: 3337120282; Gồm phụ kiện lắp đặt đi kèm; Hãng sản xuất: Aventics hoặc tương đương	Bộ	1
71	Rơ le giám sát tốc độ	Model: RM35S0MW; Hãng sản xuất: Schneider hoặc tương đương	Cái	5
72	Bộ chia khí	Model: 3337120262; Gồm phụ kiện lắp đặt đi kèm; Hãng sản xuất: Aventics hoặc tương đương	Bộ	1



STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
73	Cáp tín hiệu độ rung	EC 319; 5m; Hãng sản xuất: Meggitt hoặc tương đương	Cái	1
74	Thiết bị đo mức	Prosonic S FMU90 & Prosonic S FDU92. Mã: FMU90-R11CA131AA1A gồm sensor Approval: Non-hazardous area Process Connection: Thread ISO228 G1, PVDF Cable Length: 5m/16ft Additional Option: Basic version; Hãng sản xuất: Endress + Hauser hoặc tương đương	Bộ	1
75	Switch truyền thông	BRS40-00089999-EFEZ99HHSESXX.X.XX; Hãng sản xuất: Hirschmann hoặc tương đương	Cái	1
76	Bộ kit van xả máy nén khí	P/N: 2901 0633 20; Hãng sản xuất: Atlas Copco hoặc tương đương	Bộ	3
77	Bộ gioăng phốt súng bắn khí Air cannon	Sử dụng cho bộ bắn khí có model XHV; Hãng sản xuất: Martin hoặc tương đương	Bộ	2
78	Biến tần	Biến tần 25B-D017N114 hoặc tương đương	Cái	1
79	Cảm biến trọng lượng	BW200DM; Hãng sản xuất: Belt-Way Scales hoặc tương đương	Cái	4
80	Cảm biến trọng lượng	P/N: PBD-23900249 CAP: 500lb; Sens: 2mV/V; Hãng sản xuất: Siemens hoặc tương đương	Cái	6
81	Phin lọc biến tần	Kích thước 685x516x47; Model: 2UBA012773R0001 hoặc tương đương	cái	56
82	Phin lọc biến tần	Kích thước 685x288x47; Model: 2UBA012773R0001 hoặc tương đương	cái	56
83	Phin lọc biến tần	Kích thước 484x516x47; Model: 2UBA012773R0001 hoặc tương đương	cái	168
84	Phin lọc biến tần	Kích thước 385x516x47; Model: 2UBA012773R0001 hoặc tương đương	cái	14
B	Dịch vụ			
1	Cài đặt, cấu hình bộ điều khiển PLC (Mục hàng hóa số 1), đồng bộ chương trình điều khiển	Cài đặt, cấu hình bộ điều khiển PLC (Mục hàng hóa số 1), đồng bộ chương trình điều khiển	Bộ	2

**Ghi chú:**

- Các vật tư, thiết bị có mã hiệu, chủng loại, thông số kỹ thuật như trong bảng phạm vi cung cấp trên, là các loại hàng hóa hiện hữu đang sử dụng tại Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1. Nhà thầu có thể liên hệ với chủ đầu tư để tiến hành khảo sát đưa ra phương án lựa chọn hàng hóa chào thầu cho phù hợp với yêu cầu.

1.2.2. Tiến độ cung cấp hàng hóa:

Tiến độ cung cấp hàng hóa của từng mục hàng hóa chi tiết tại bảng số 2 dưới đây:

Bảng 2: Tiến độ cung cấp hàng hóa

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ cung cấp hàng hóa kể từ ngày ký hợp đồng
A	Hàng hóa			
I	Đại tu			
1	Bộ điều khiển PLC	Bộ	2	180 ngày
2	Bộ làm mát	cái	5	210 ngày
3	Cảm biến đo độ rung	Cái	1	210 ngày
4	Cảm biến đo độ rung	Cái	2	210 ngày
5	Cảm biến đo độ rung	Cái	1	210 ngày
6	Card độ rung	Cái	1	210 ngày
7	Card độ rung	Cái	1	210 ngày
8	Bộ chuyển đổi nguồn	Cái	2	210 ngày
II	SCTX			
9	Bộ điều khiển van điện	Bộ	1	180 ngày
10	Bộ điều khiển van điện	Bộ	1	180 ngày
11	Bo mạch CPU	Cái	2	180 ngày
12	Bo mạch rơ le	Cái	28	180 ngày
13	Bo mạch giao tiếp	Cái	3	180 ngày
14	Bo mạch màn hình	Cái	1	180 ngày
15	Bo mạch nguồn	Cái	1	180 ngày
16	Bộ đầu nối van Auma	Bộ	6	180 ngày
17	Bộ truyền động điều khiển van điện (không bao gồm van)	Bộ	1	180 ngày
18	Bộ truyền động điều khiển van điện (không bao gồm van)	Bộ	1	180 ngày
19	Thiết bị gia nhiệt	Cái	1	120 ngày
20	Lọc giấy bộ làm mát	Hộp	1	120 ngày
21	Bộ lọc gốm	Cái	8	120 ngày
22	Phin lọc axit	Cái	8	120 ngày



STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ cung cấp hàng hóa kể từ ngày ký hợp đồng
23	Bộ lọc axit	Bộ	2	120 ngày
24	Dây bơm	Cái	8	120 ngày
25	Bơm xả động	Cái	1	120 ngày
26	Bộ làm mát	Cái	2	120 ngày
27	Cảm biến nhiệt độ	Cái	1	120 ngày
28	Gia nhiệt CEMS	Cái	1	120 ngày
29	Cảm biến đo PH	Cái	1	120 ngày
30	Transmitter đo clo	Bộ	1	140 ngày
31	Thiết bị đo Clo dư	Cái	1	140 ngày
32	Thiết bị đo Clo dư	Cái	1	140 ngày
33	Transmitter đo PH	Bộ	1	140 ngày
34	Cảm biến nhiệt độ	Cái	1	140 ngày
35	Cảm biến PH	Cái	2	140 ngày
36	Transmitter nhiệt độ	Cái	1	120 ngày
37	Bo mạch đầu vào tương tự	Cái	2	120 ngày
38	Cảm biến đo PH	Cái	1	120 ngày
39	Cảm biến đo Hcl	Cái	2	120 ngày
40	Bộ vật tư tiêu hao sửa chữa máy đo Silica	Cái	3	120 ngày
41	Phin Lọc	Cái	2	120 ngày
42	Thiết bị chia mẫu Hydrazine	Cái	1	120 ngày
43	Gel phản ứng	Cái	2	120 ngày
44	Thiết bị bị thu thập, lưu trữ dữ liệu Dataloger	Cái	1	120 ngày
45	Modul đầu vào tương tự	Cái	5	120 ngày
46	Modul đầu vào tương tự	Cái	2	120 ngày
47	Màn hình điều khiển tủ PLC	Cái	2	120 ngày
48	Đèn led bấp ngô	Cái	100	120 ngày
49	Đèn led	Cái	600	120 ngày
50	Chuyển đổi đui	Cái	50	120 ngày
51	Đèn led tuýp	Cái	1500	120 ngày
52	Bóng đèn	cái	60	120 ngày
53	Card độ rung	Cái	1	120 ngày
54	Động cơ búa gõ cực dương, cực âm	cái	10	120 ngày
55	Vòng hãm	Cái	10	120 ngày
56	Vòng hãm	Cái	4	120 ngày



STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ cung cấp hàng hóa kể từ ngày ký hợp đồng
57	Đế máy cắt	Cái	1	120 ngày
58	Đế máy cắt	Cái	15	120 ngày
59	Role IMP	cái	5	120 ngày
60	Role IMP	cái	40	120 ngày
61	Máy cắt 0,4kV	cái	5	120 ngày
62	Đồng hồ hiển thị tốc độ Tuabine	cái	2	120 ngày
63	Gia nhiệt tủ DCL	cái	10	120 ngày
64	Ắc quy	Cái	30	120 ngày
65	Ắc quy	Cái	6	120 ngày
66	Động cơ quạt sục phễu tro lọc bụi	cái	1	120 ngày
67	Điện cực ăn mòn bơm tuần hoàn	bộ	6	120 ngày
68	Switch báo mức	Cái	1	120 ngày
69	Switch áp lực	Cái	2	120 ngày
70	Bộ chia khí	Bộ	1	120 ngày
71	Rơ le giám sát tốc độ	Cái	5	120 ngày
72	Bộ chia khí	Bộ	1	120 ngày
73	Cáp tín hiệu độ rung	Cái	1	120 ngày
74	Thiết bị đo mức	Bộ	1	120 ngày
75	Switch truyền thông	Cái	1	120 ngày
76	Bộ kit van xả máy nén khí	Bộ	3	120 ngày
77	Bộ gioăng phốt súng bắn khí Air cannon	Bộ	2	120 ngày
78	Biến tần	Cái	1	120 ngày
79	Cảm biến trọng lượng	Cái	4	120 ngày
80	Cảm biến trọng lượng	Cái	6	120 ngày
81	Phin lọc biến tần	cái	56	120 ngày
82	Phin lọc biến tần	cái	56	120 ngày
83	Phin lọc biến tần	cái	168	120 ngày
84	Phin lọc biến tần	cái	14	120 ngày
B	Dịch vụ			
1	Cài đặt, cấu hình bộ điều khiển PLC (Mục hàng hóa số 1), đồng bộ chương trình điều khiển	Bộ	2	5 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng

- Nhà thầu phải đáp ứng tiến độ cung cấp hàng hóa như yêu cầu quy định tại Bảng 2 nêu trên. Tùy thuộc vào yêu cầu tồn kho tối ưu và nhu cầu sửa chữa/sử dụng vật



tư trong thực tế, Công ty Nhiệt điện Mông Dương sẽ điều chỉnh thời gian giao hàng (nếu có) (Công ty Nhiệt điện Mông Dương sẽ thông báo đến nhà thầu trước 30 ngày để nhà thầu chủ động cấp hàng).

- Trường hợp nhà thầu cung cấp hàng hóa chậm tiến độ, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng, chấm dứt hợp đồng và đánh giá nhà thầu không hoàn thành hợp đồng.

- Địa điểm bàn giao hàng hóa: Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Khu 8, Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh.

1.2.3. Yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật

a. Yêu cầu về số lượng, chất lượng.

- Hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, phải phù hợp với các quy định về tiêu chuẩn ghi trong yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ, phải tuân thủ theo các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia mà hàng hóa có xuất xứ; phải phù hợp với điều kiện làm việc tại Việt Nam và thực tế tại Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1.

- Nhà thầu phải đáp ứng đủ về số lượng từng mục trong từng phần hàng hoá theo yêu cầu của E-HSMT.

- Hàng hoá dự thầu phải có ký mã hiệu, nhãn mác rõ ràng, có tài liệu kỹ thuật chứng minh đáp ứng được các đặc tính và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

- Hàng hoá trong E-HSMT phải đảm bảo tính đồng bộ, tương thích về công nghệ và kích thước lắp đặt với các thiết bị đang sử dụng tại Công ty Nhiệt điện Mông Dương. Trong trường hợp không đồng bộ, không tương thích với thiết bị hiện có của Nhà máy, Công ty Nhiệt điện Mông Dương có thể từ chối tiếp nhận hàng hóa.

- Đối với hàng hóa chào tương đương:

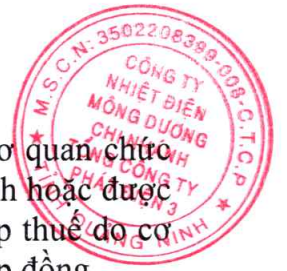
+ Hàng hóa tương đương là tương đương về đặc tính kỹ thuật; tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác. Hàng hóa nhà thầu chào hàng hóa phải phù hợp, tương thích với các thiết bị/hệ thống đang được sử dụng của Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1.

+ Trong trường hợp nhà thầu chào hàng hóa không tương thích, không phù hợp với các thiết bị/hệ thống đang được sử dụng của Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 hoặc không đáp ứng các thông số kỹ thuật thì được đánh giá là không đạt và không được đánh giá tại các bước tiếp theo.

* Đối với hồ sơ nghiệm thu hàng hóa:

+ Đối với vật tư thiết bị sản xuất tại nước ngoài được cung ứng theo hợp đồng trong nước, hồ sơ tài liệu gồm có: Thông báo giao hàng (Trong thông báo giao hàng nêu rõ Bảng liệt kê chi tiết hàng hóa; Số lượng, mác mã, nguồn gốc xuất xứ; Thời gian và địa điểm giao nhận hàng hóa danh mục hàng hóa bàn giao, thời gian dự kiến bàn giao), Chứng chỉ xuất xứ hoặc Chứng nhận xuất xứ hợp lệ theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa, Chứng chỉ chất lượng của nhà chế tạo, Hóa đơn do Bộ tài chính phát hành hoặc được cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước cấp phép lưu hành, Tờ khai hàng hóa nhập khẩu đã được thông quan, các tài liệu kỹ thuật quy định trong hợp đồng;

+ Đối với vật tư thiết bị được gia công chế tạo trong nước phải do các cơ sở có đủ năng lực chế tạo, hồ sơ tài liệu gồm có: Thông báo giao hàng (Trong thông báo giao hàng nêu rõ danh mục hàng hóa cần giao gồm đầy đủ số lượng, mác mã, nguồn gốc xuất xứ; Thời gian và địa điểm giao nhận hàng hóa); Chứng chỉ chất lượng của nhà chế tạo;



Bản kiểm nghiệm chất lượng chế tạo vật tư thiết bị hoặc phụ tùng của cơ quan chức năng Nhà nước Việt Nam (Nếu có), các Hóa đơn do Bộ tài chính phát hành hoặc được cơ quan quản lý chức năng Nhà nước cấp phép lưu hành, chứng từ đã nộp thuế do cơ quan chức năng phát hành (nếu có), các tài liệu kỹ thuật quy định trong hợp đồng.

- Nhà thầu phải cam kết về tính xác thực của các tài liệu (CO, CQ, TKHQ) mà nhà thầu cung cấp cho hàng hóa và nhà thầu phải chịu trách nhiệm pháp lý về giấy tờ này.

- Tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa: Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật nêu rõ mác mã, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Các tài liệu này phải có đầy đủ tính pháp lý, sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

b. Yêu cầu phương thức vận chuyển, bàn giao

- **Thông báo giao hàng:** Nhà thầu phải gửi thông báo giao hàng cho CĐT trước ít nhất 01 ngày bằng công văn hoặc email, trong đó nêu rõ: Bảng liệt kê chi tiết hàng hóa; Số lượng, mác mã, nguồn gốc xuất xứ; Thời gian và địa điểm giao nhận hàng hóa danh mục hàng hóa bàn giao, thời gian dự kiến bàn giao; tài liệu kỹ thuật hàng hóa theo quy định của Hợp đồng.

- **Tài liệu kỹ thuật:** Khi giao hàng, Nhà thầu phải gửi đính kèm tài liệu kỹ thuật hướng dẫn sử dụng, bảo quản lưu kho hàng hóa của nhà sản xuất để đảm bảo chất lượng của hàng hóa theo yêu cầu. Các tài liệu này phải có đầy đủ tính pháp lý, sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

- **Địa điểm bàn giao hàng hóa:** kho của Công ty nhiệt điện Mông Dương. Địa chỉ: Khu 8, P. Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh.

- Người bàn giao hàng hóa:

+ Người đại diện bàn giao hàng phải là cán bộ của nhà thầu, chủ đầu tư không chấp thuận người giao hàng là người của đơn vị thứ 3 (trừ trường hợp người của đơn vị thứ 3 là nhân sự của hãng/đại diện hãng sản xuất).

+ Ngoài ra, để tránh hàng giả, hàng nhái và đảm bảo tính chính xác về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa, nhà thầu phải có cam kết khi bàn giao hàng hóa sẽ có nhân sự của hãng sản xuất/đại diện ủy quyền của hãng sản xuất tại Việt Nam tham gia giao nhận hàng hóa nếu chủ đầu tư có yêu cầu bằng văn bản.

Hàng hóa phải được đóng gói theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất, được vận chuyển bằng phương tiện phù hợp đến địa điểm bàn giao đảm bảo không ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng của hàng hóa theo các tiêu chuẩn hiện hành cũng như yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng của Chủ đầu tư đã đề ra.

Phương tiện vận chuyển hàng hóa phải đảm bảo an toàn và phù hợp với các quy định về bảo vệ môi trường.

c. Nguồn gốc, xuất xứ.

- Nêu đầy đủ tên hãng sản xuất, nguồn gốc xuất xứ hàng hóa cho mỗi hàng hóa.

- Nhà thầu chỉ được chào 01 hãng sản xuất, xuất xứ cụ thể cho mỗi hàng hóa.

d. Bảo hành của hàng hóa.

- Thời gian bảo hành hàng hóa: Thời gian bảo hành hàng hóa theo chính sách của Hãng sản xuất nhưng tối thiểu 365 ngày (12 tháng) kể từ ngày hàng hóa được ký

nghiệm thu đưa vào sử dụng hoặc 540 ngày (18 tháng) kể từ ngày ký nghiệm thu đưa kho tùy theo điều kiện nào đến trước.

- Thời gian bảo hành dịch vụ: tối thiểu 365 ngày (12 tháng) kể từ ngày được nghiệm thu sử dụng.

- Khả năng bảo hành: trước khi ký hợp đồng nhà thầu phải đệ trình “cam kết của hãng sản xuất/đại diện ủy quyền của hãng sản xuất sẵn sàng hỗ trợ lắp đặt (khi có yêu cầu của chủ đầu tư) đối với mục hàng hóa số 2, 17, 18 và sẵn sàng hỗ trợ kỹ thuật trong bảo hành đối với các mục hàng hóa số 1, 2, 17, 18 tại Bảng 1- Chương V- Phạm vi cung cấp của E-HSMT” khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu phải cam kết sẵn sàng có mặt tại hiện trường trong vòng 24 giờ để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến kỹ thuật trong thời gian bảo hành thiết bị. Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành (05 ngày kể từ khi chủ đầu tư yêu cầu bảo hành), chủ đầu tư buộc phải xử lý, thay thế thì nhà thầu phải chịu mọi chi phí thay thế đó.

- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong thời gian bảo hành. Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào nhà thầu phải sửa chữa lại, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công trình;

- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, chủ đầu tư buộc phải sửa chữa, xử lý thì nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

e. Yêu cầu về dịch vụ cấu hình, cài đặt:

Nhà thầu phải chủ động bố trí chuyên gia có chứng chỉ đào tạo của chính hãng (hãng sản xuất mục hàng hóa số 1) để thực hiện cài đặt, cấu hình bộ điều khiển PLC (Mục hàng hóa số 1 Bảng 1- Chương V), đồng bộ chương trình điều khiển.

Nhà thầu phải đệ trình xác nhận của hãng sản xuất hoặc đại diện của chính hãng sản xuất mục hàng hóa số 1 về việc sẵn sàng cử chuyên gia thực hiện dịch vụ cài đặt, cấu hình bộ điều khiển PLC, đồng bộ chương trình điều khiển (Mục hàng hóa số 1 - Bảng 1- Chương V).

Nhà thầu phải đảm bảo vận hành ổn định cho hệ thống điều khiển than và hệ thống điều khiển đá vôi tại Nhà máy trong suốt quá trình thực hiện dịch vụ cấu hình, cài đặt.

Trong trường hợp xảy ra sự cố (do lỗi của Nhà thầu) dẫn đến sự hoạt động không bình thường của hệ thống điều khiển than và hệ thống điều khiển đá vôi cho các thiết bị của Nhà máy thì nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục và phải bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra.

Nhà thầu không tự ý can thiệp, kiểm tra, cài đặt, thay đổi thông số vận hành... của hệ thống máy tính điều khiển của Nhà máy khi chưa được sự cho phép của người có thẩm quyền của Nhà máy.

f. Bảo mật thông tin

Nhà thầu phải cam kết bảo mật thông tin trong quá trình thực hiện hợp đồng tại Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1.





Mục 2. Bản vẽ: không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Hàng hóa khi bàn giao cho chủ đầu tư phải được kiểm tra đảm bảo các thông số kỹ thuật mới đủ điều kiện để nhận hàng;

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu;

- Trong trường hợp không thống nhất được quan điểm giữa hai Bên về phương pháp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa hoặc Nhà thầu không chứng minh được về chất lượng hàng hóa thì hai Bên thống nhất mời một đơn vị độc lập có chức năng thực hiện công tác này, chi phí do Nhà thầu chịu;

- Trong trường hợp cần thiết chủ đầu tư sẽ tiến hành lắp đặt hàng hóa vào các thiết bị hiện đang sử dụng và tiến hành chạy thử đảm bảo các thông số kỹ thuật mới đủ điều kiện để nghiệm thu hàng hóa đó. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình lắp đặt thử nghiệm.